

Bản án số: 272/2024/HC-PT

Ngày: 22-7-2024

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông **Đình Phước Hòa**

- **Các Thẩm phán:** ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Cường.**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 135/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1222/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số B đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Khoa K - Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Bích D, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên: Ông Trịnh Văn T-
Chủ tịch UBND phường A. Có mặt

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện: ông Cao Đình H – Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Phòng quản lý đô thị thành phố T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện: Ông Huỳnh Văn N – Chuyên viên Phòng quản lý đô thị
thành phố T. Có mặt

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích D. Vắng mặt

5. Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng
mặt

6. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P. Vắng mặt

7. Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú
Yên. Vắng mặt

8. Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Phú Yên. Xin xét xử vắng mặt.

9. Công ty cổ phần Đ; Địa chỉ: Số B đường Y, thành phố N, tỉnh Khánh
Hòa. Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người khởi
kiện bà Hồ Thị Thanh S trình bày:*

Năm 1982, bà S quản lý, sử dụng thửa đất phía Đông nhà D L, phường A,
thành phố T với diện tích 205m² (trong đó có nhà cấp 4 diện tích 48m² là do bà S
mua của ông Nguyễn D1 có giấy viết tay; còn diện tích đất 157m² là do bà S chiếm
sử dụng từ năm 1982).

Trong thời gian bà S chấp hành hình phạt tù thì UBND thành phố tự ý lấy
đất của bà làm Tiểu công viên, không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường
là trái pháp luật.

Từ năm 1982 đến nay, bà không vi phạm về lấn chiếm hành lang đường sắt.
Thửa đất này (phía Đông nhà D L) bà sử dụng từ trước đến nay nhiều lần bị lập
Biên bản vi phạm hành chính, bà nhiều lần khởi kiện ra Tòa án.

Thửa đất bà S bán cho vợ chồng ông Lê Thành P, bà Hồ Thị Thanh N1 là thửa D L, phường A, không liên quan đến thửa đất (phía Đông 04A L) bà đang khởi kiện.

Năm 2001, bà S xây dựng lán trại, không xin phép nên bị lập biên bản nhưng không xử phạt.

Năm 2003, bà S bị cưỡng chế tháo dỡ nhà, lý do bị cưỡng chế là do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất), chứ không phải lấn chiếm đất nhà nước hay đất đường sắt. Bà S nộp thuế từ năm 2006-2011, từ năm 2012 thì không thu thuế nữa, đất này thuộc quyền sử dụng của bà S.

Năm 2013, bà S bị cưỡng chế tháo dỡ nhà. Ngày 07/02/2017, bà S khởi kiện nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chưa xét xử sơ thẩm.

Bản vẽ bản đồ địa chính đo đạc là việc Nhà nước tự ý đo đạc, không có ý kiến của bà nên việc đo đạc ghi đất trống, đường cứu hỏa là không đúng.

Ủy ban nhân dân phường A và Ủy ban nhân dân thành phố T không có chứng cứ gì chứng minh thửa đất bà sử dụng là đất do nhà nước quản lý.

Bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện, khởi kiện bổ sung (ngày 23/5/2022, 28/7/2022 và ngày 31/12/2022) yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy quyết định số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng (gọi tắt là *Quyết định 63*).

+ Hủy Thông báo số 602/TB-UBND ngày 18/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm (gọi tắt là *Thông báo 602*);

+ Hủy Văn bản số 673/TB-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại (gọi tắt là *Văn bản 673*) (BL 601);

+ Hủy Văn bản số 1227/UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thông tin cho bà Hồ Thị Thanh S (gọi tắt là *Văn bản số 1227*);

+ Hủy Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022 của UBND thành phố T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (gọi tắt là *Quyết định 06*) (BL 607, 620);

+ Hủy Quyết định số 12/QĐ-SĐCCXP ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc sửa đổi một phần nội dung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022 của UBND thành phố T (gọi tắt là *Quyết định số 12*).

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T trình bày: Diện tích đất bà S chiếm xây dựng là đất do Nhà nước quản lý. Năm 2014, UBND thành phố T đã lập hồ sơ đầu tư, xây dựng Tiểu công viên; Tiểu công viên đã thi công, hoàn thành xong. Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Hồ Thị Thanh S là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân thành phố T: Thống nhất như ý kiến trình bày đối với vụ án của Chủ tịch U.

2/ Ủy ban nhân dân phường A trình bày (BL 281, 370, 371 và 372): Diện tích đất bà S mua của hộ ông Phan Văn X và hộ ông Vũ Đức L (thửa đất này nguyên thuộc khu tập thể của Xí nghiệp bông vải sợi đã bán hóa giá năm 1991). Cả hai phần diện tích đất này đều có tứ cận phía Đông tiếp giáp đường nội bộ của khu tập thể cũ (không bao gồm diện tích đường đi nội bộ hay phần đất trống). Ngày 24/4/2002, ông Đinh S1 và bà Hồ Thị Thanh S kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 + 02, tờ bản đồ D4-III-D-c được Sở Xây dựng tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số C, diện tích 207,7m², loại đất ở đô thị, địa chỉ D L, phường A, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường L; phía Nam giáp nhà dân; phía Tây giáp Công ty S2; phía Đông giáp đường cứu hỏa R = 6m.

Ngày 17/9/2001, bà S được Sở Xây dựng tỉnh P cấp Giấy phép xây dựng số 232/GP-SXD với nội dung sửa chữa, cải tạo nhà ở gia đình trên lô đất nhà số D L, phường A, diện tích 207,56m² và Biên bản cắm mốc định vị công trình số 87 BB-GPXD. Quá trình sử dụng bà S đã chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Thanh N1 thửa đất số 02, tờ bản đồ D4-III-C-d, diện tích 105,80m² và cấp GCNQSH nhà ở và đất ở số 545552201500909 do UBND thành phố T cấp vào ngày 21/5/2008 đứng tên Hồ Thị Thanh N1. Đến ngày 16/5/2010, bà S tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ D4-III-C-d, diện tích 101,9m² cho bà Hồ Thị Thanh N1 và ông Lê Thành P (được Văn phòng C chứng thực ngày 16/5/2010).

Đối với diện tích đất phía Đông nhà D L, phường A hiện nay bà S đã dựng nhà tiền chế có diện tích 208,98m². Qua đối chiếu hồ sơ quản lý của nhà nước như tờ bản đồ địa chính đo đạc năm 1996, thuộc tờ bản đồ D4-III-C-d thì vị trí thửa đất mà bà Hồ Thị Thanh S đã dựng khung nhà tiền chế là đất trống không thể hiện thửa đất trên tờ bản đồ mà thể hiện là đường đi. Quá trình cải tạo, sửa chữa nhà D L, bà S tự ý sử dụng phần đất trống tập kết vật liệu xây dựng, vi phạm đường nội bộ theo quy hoạch rộng 06m (Quy hoạch đã được UBND tỉnh P phê duyệt năm 2000) và hành lang an toàn giao thông đường sắt, bà S cam kết khi cải tạo, sửa chữa nhà xong sẽ trả lại mặt bằng đường đi cho Nhà nước (có Giấy cam kết đề

ngày 23/5/2001). Tuy nhiên, sau khi cải tạo, sửa chữa nhà xong bà S không tự giác tháo dỡ mà từng bước xây dựng nhà, tường rào kiên cố hơn, UBND thị xã (nay là thành phố) Tuy Hòa, UBND phường A đã nhiều lần lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ căn nhà trên phần diện tích đất phía Đông nhà 04A Lê Lợi từ năm 2003, năm 2009 và năm 2013, để thi công tiểu công viên. Nhưng bà S lại tiếp tục tái chiếm và dựng khung nhà tiền chế trên toàn bộ khu đất đã bị cưỡng chế, năm 2019 bị UBND phường 1 lập Biên bản vi phạm hành chính số 02 ngày 17/12/2019 (BL 278) và UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 (BL 280).

3/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T *trình bày* (BL291- Văn bản số 684/CNVPĐKĐĐ ngày 17/5/2021): Từ tháng 7/2013 đến nay Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T không tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của bà Hồ Thị Thanh S đối với thửa đất số 03, số 04 tờ bản đồ số D4-III-C-d và không thực hiện trích đo hiện trạng khu đất phía Đông nhà 04A Lê Lợi để giải quyết khiếu nại hay yêu cầu cấp GCNQSD đất của bà S.

4/ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P: Không có văn bản trình bày đối với vụ án.

5/ Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T *trình bày* (BL 292): Căn cứ bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố thời kỳ 2006-2015 được UBND tỉnh P phê duyệt tại Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 22/4/2009 “Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2015 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006-2010 của thành phố T” thì vị trí thửa đất số 03 và thửa đất số 04, tờ bản đồ D4-III-C-d, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T quy hoạch là đất giao thông.

Căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của UBND thành phố T, thì vị trí thửa đất số 03 và thửa đất số 04, tờ bản đồ D4-III-C-d, phường A, thành phố T quy hoạch là đất giao thông.

Căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh P về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của UBND thành phố T, thì vị trí thửa đất số 03 và thửa đất số 04, tờ bản đồ D4-III-C-d, UBND phường A, UBND thành phố T quy hoạch là đất giao thông.

6/ Phòng quản lý đô thị thành phố T *trình bày* (BL 293-294, 350): Diện tích đất bà S chiếm xây dựng là đất do Nhà nước quản lý, năm 2014 UBND thành phố T đã lập hồ sơ đầu tư, xây dựng Tiểu Công viên. Tiểu công viên đã thi công, hoàn

thành xong. Việc bà S xây dựng nhà Tole cấp 4 trên đất tại địa chỉ phía Đông D L, phường A, thành phố T là vi phạm pháp luật.

7/ Công ty Cổ phần Đ *trình bày* (BL 350): Đất hành lang đường sắt được quy định tại Nghị định 120/CP năm 1963, Điều lệ quy định phạm vi, giới hạn đường sắt và trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt do Hội đồng Chính phủ ban hành quy định “*Phạm vi giới hạn an toàn của nền đường sắt là 05m, kể từ chân nền đường đối với nền đường đất đắp, hay kể từ mép đỉnh đối với nền đường đào hoặc là 3m kể từ chân rãnh đỉnh của đường*”.

Hành lang đường sắt thuộc địa bàn thành phố T tính từ mép đường ray ngoài cùng trở ra là 7,5m (có văn bản của UBND tỉnh).

Ngày 21/01/1997, Công ty Đ đã bàn giao cho UBND phường A quản lý (có lập hồ sơ). Việc lấn chiếm đất hành lang đường sắt do UBND cấp xã, phường có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính. Công ty là doanh nghiệp nên không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

8/ Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích thành phố T: Không có văn bản trình bày đối với vụ án.

9/ Chi cục thuế thành phố T *trình bày* (BL 523-546): Tại Văn bản số 5137/CCT-KTNDP ngày 01/6/2022 của Chi cục thuế thành phố T về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có nội dung “...Căn cứ Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội có hiệu lực ngày 01/01/2012...Điều 2. Đối tượng chịu thuế: 1. Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Điều 4. Người nộp thuế: 1/ Người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật này; 2/ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế; khoản 7 Điều 7 quy định: ...việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm.

**Người làm chứng bà* Nguyễn Thị H1 *trình bày* (BL 590): Khoảng năm 1980-1982, hộ gia đình bà H1 có khai hoang tạo lập chỗ ở (nay là nhà đất gia đình đang ở tại hẻm D L, phường A, thành phố T. Khoảng năm 2000 – 2002, tại thửa đất phía Đông nhà đất D L, phường A, thành phố T (bà S gọi là 04B Lê Lợi) có tồn tại 01 cái giếng nước (giáp với nhà đất của bà H1) do một số hộ dân sử dụng chung và sau đó có thỏa thuận với bà Thanh S để cho bà Thanh S được sử dụng giếng nước này và bà Thanh S có liên hệ làm hợp đồng với nhà máy nước (nay là Công ty cổ phần S2 để làm thủ tục lắp đặt mỗi hộ dân 01 công tơ nước (gồm 05 hộ: gia đình bà H1, hộ bà Trần Thị L1, hộ bà Nguyễn Thị T1, hộ ông Nguyễn B, hộ bà Nguyễn Thị T2, hộ ông Lê Văn X1). Trong đó có 04 hộ bán nhà đi Đ, Gia Lai làm

ăn, còn hộ ông Xanh đi đâu không rõ. Bà H1 đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng đối thoại không được do vắng mặt một số đương sự.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 07/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

“Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 2 Điều 38, Điều 54, 58 và Điều 66; khoản 1 Điều 73; Điều 86 và Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S về các yêu cầu:

+ *Hủy quyết định số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng.*

+ *Hủy Thông báo số 602/TB-UBND ngày 18/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm.*

+ *Hủy Thông báo số 673/TB-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;*

+ *Hủy Văn bản số 1227/UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thông tin cho bà Hồ Thị Thanh S;*

+ *Hủy Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022 của UBND thành phố T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;*

+ *Hủy Quyết định số 12/QĐ-SĐCCXP ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc sửa đổi một phần nội dung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022 của UBND thành phố T.*

Vì không có căn cứ pháp luật.”

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2023, bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Hồ Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh S là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022, Quyết định số 12/QĐ-SĐCCXP ngày 30/11/2022 về việc sửa đổi một phần nội dung khoản 4, Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-CCXP đều của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Đối với Thông báo số 602/TB-UBND ngày 18/5/2022 về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, Thông báo số 673/TB-UBND ngày 26/5/2022 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại và Văn bản số 4227/UBND ngày 11/7/2022 về việc thông tin cho bà Hồ Thị Thanh S đều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, thấy: Những văn bản này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị Thanh S nên theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì đây không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện này của bà Hồ Thị Thanh S là không đúng quy định pháp luật.

[4] Ngày 17/12/2019, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với bà Hồ Thị Thanh S.

Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 để xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà S.

Sau khi vận động bà S tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm nhưng bà S cố tình không thực hiện nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022 để cưỡng chế buộc bà S thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn 30 ngày.

Ngày 30/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 12/QĐ-SĐCCXP để sửa đổi thời gian thực hiện, với lý do: để đảm bảo thời gian cần thiết trong công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành những quyết định nêu trên là đúng trình tự và thẩm quyền.

[5] Bà Hồ Thị Thanh S có hành vi thi công xây dựng lấn chiếm trên đất cây xanh của Tiểu Công viên D L, Phường A, thành phố T.

Bà S không đồng ý vì cho rằng đất xây dựng Tiểu Công viên 04 L nguyên là thửa đất phía đông nhà 04A Lê L2 là do bà mua của ông Nguyễn D1 với diện tích 48m², sau đó bà chiếm sử dụng thêm 157m² từ năm 1982. Ủy ban nhân dân thành phố T đã tự ý lấy đất của bà để làm công trình Tiểu công viên là trái pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T xử phạt vi phạm hành chính là không đúng.

[6] Năm 2001, bà Hồ Thị Thanh S xây dựng căn nhà tọa lạc tại số D L, trong quá trình xây dựng bà S có lấn chiếm phần đất phía đông, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đến làm việc.

Ngày 23/5/2001, bà Hồ Thị Thanh S có viết “*Giấy cam kết*”, có nội dung: “*tôi có làm lán trại mái tôn sườn sắt rào lưới B40 chung quanh, để làm xây dựng nhà bên số 4 L, tôi cam kết sau khi xây xong hoàn tất nhà của tôi, tôi sẽ trả lại đoạn đường vi phạm của đường sắt...nếu tôi không tháo dỡ thì đường sắt tháo dỡ. Tôi cam kết nếu có gì sai trái tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm*” (b1 24)

Ngày 25/9/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành Quyết định số 2301/QĐ-CT để buộc bà S tháo dỡ toàn bộ tường rào xây dựng trái phép. Bà S khởi kiện vụ án hành chính nhưng đã bị Tòa án nhân dân thị xã Tuy Hòa bác yêu cầu khởi kiện tại Bản án số 03/HC-ST ngày 28+29/7/2003 và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bác yêu cầu kháng cáo tại Bản án hành chính phúc thẩm số 12/HCPT ngày 11,12/12/2003.

Năm 2014, bà S có hành vi xây dựng khung tiền chế bằng thép phi 60 gồm 09 trụ cao khoảng 04m, mái lợp tôn có diện tích 9,1m x 8,15m = 74,16m² tại phần đất phía Đông nhà 04A Lê Lợi nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T

ban hành Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC ngày 04/6/2014. Bà S có khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết bác yêu cầu khởi kiện tại Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2017/HC-PT ngày 12/5/2017.

Do bà S không thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm theo Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 42/QĐ-CC ngày 17/6/2014 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt. Bà S tiếp tục khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bác yêu cầu khởi kiện tại Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2018/HC-PT ngày 30/01/2018.

Theo Biên bản ngày 20/3/2003 về việc cắm mốc chỉ giới đường đỏ số nhà D L, có nội dung “*Cách mép ray phía Tây theo hướng vuông góc 11,6m (trong đó hành lang bảo vệ đường sắt 5,6m). đường nội bộ rộng 06m; giao 02 điểm mốc cho UBND phường 1 quản lý*” (bl 43)

Theo tờ bản đồ địa chính đo đạc 1996 thì phần đất phía Đông nhà 04A Lê L2 là đường đi và được Ủy ban nhân dân tỉnh P quy hoạch là đường giao thông.

Bà S cho rằng bà đã nộp thuế đối với phần diện tích phía Đông nhà D L từ năm 2006, nhưng theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2010 (việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất, lấn chiếm).

Bà S cho rằng phần đất phía Đông nhà 04A Lê L2 do bà mua của ông Nguyễn D1 vào năm 1982, nhưng chỉ là giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực, không thể hiện vị trí, giới cận thửa đất.

Hiện nay, bà S chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất phía đông nhà 04A Lê Lợi

Như vậy, phần đất phía Đông nhà 04A Lê Lợi là phần đất do Nhà nước quản lý.

[7] Năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố T đã thực hiện xây dựng Tiêu công viên trên phần đất phía Đông nhà số D L.

Năm 2019, bà S đã xây dựng khung tiền chế bằng thép, mái lợp tôn trên diện tích 20,8m.

Ngày 17/12/2019, Ủy ban nhân dân phường A đã lập “*Biên bản vi phạm hành chính*” số 02/BB-VPHC đối với bà Hồ Thị Thanh S

Như đã phân tích ở trên, phần đất phía Đông nhà 04A Lê Lợi là do Nhà nước quản lý và đã thực hiện xây dựng Tiêu công viên. Vì vậy, việc bà S xây dựng công trình là lấn chiếm đất công.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 63/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2019 xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà Hồ Thị Thanh S 6.250.000 đồng và buộc bà S tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu là đúng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 53 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ.

Do Quyết định số 63/QĐ-XPVPHC đúng quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố T đã vận động bà S tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép nhiều lần nhưng bà S không thực hiện nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 21/7/2022, Quyết định số 12/QĐ-SĐCCXP ngày 30/11/2022 về việc sửa đổi một phần nội dung khoản 4, Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-CCXP cũng là đúng quy định pháp luật.

[8] Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm thu lý giải quyết đối với Thông báo số 602/TB-UBND ngày 18/5/2022 về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, Thông báo số 673/TB-UBND ngày 26/5/2022 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại và Văn bản số 4227/UBND ngày 11/7/2022 về việc thông tin cho bà Hồ Thị Thanh S là không đúng quy định pháp luật, nhưng đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Hồ Thị Thanh S nên cấp phúc thẩm không cần phải hủy bản án hành chính sơ thẩm về phần này, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Về án phí: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S.

1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận Bà Hồ Thị Thanh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0000422 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa